

**Toán**  
**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết tính diện tích hình thang.
- HS làm bài 1, bài 3a

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tính diện tích hình thang.

**3. Thái độ:** Yêu thích học toán.

**4. Năng lực:**

- **Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**
- **Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học**

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(3 phút)</b>	
- Cho HS thi đua: + Nêu quy tắc tính diện tích hình thang + Viết công thức tính diện tích - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đua nêu  - HS nghe - HS ghi bảng
<b>2. Hoạt động thực hành:(30 phút)</b> <i>* Mục tiêu:</i> - Biết tính diện tích hình thang. - HS làm bài 1, bài 3a <i>(Giúp đỡ HS M1,2 hoàn thành nội dung bài tập theo yêu cầu)</i> <i>* Cách tiến hành:</i>	
<b>Bài 1: HĐ Cá nhân</b> - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Nhận xét các đơn vị đo của các số đo. - Hãy nhắc lại quy tắc tính diện tích hình thang - Yêu cầu HS làm bài cá nhân	- Tính diện tích hình thang có độ dài 2 đáy lần lượt là a và b, chiều cao là h: - Các số đo cùng đơn vị đo $S = (a + b) \times h : 2$ - HS làm vở sau đó chia sẻ

<p>- GV nhận xét , kết luận</p> <p><b>Bài 3a: HĐ nhóm</b></p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề bài</p> <p>- GV treo bảng phụ có hình vẽ kèm 2 nhận định</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm và làm bài</p> <p>- Yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận. Giải thích.</p> <p>- GV nhận xét chữa bài</p> <p><b>Bài 2(M3,4): HĐ cá nhân</b></p> <p>- Cho HS làm bài cá nhân.</p> <p>- GV hướng dẫn, sửa sai</p>	<p>a) <math>a = 14\text{cm}; b = 6\text{cm}; h = 7\text{cm}.</math></p> <p>b) <math>a = \frac{2}{3}\text{ m}; b = \frac{1}{2}\text{ m}; h = \frac{9}{4}\text{ m}</math></p> <p>c) <math>a = 2,8\text{m}; b = 1,8\text{m}; h = 0,5\text{m}</math></p> <p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS làm bài theo nhóm, chia sẻ kết quả</p> <p>Chiều cao cũng chính là chiều rộng của HCN là:</p> <p><math>AD = AM + MN = 3 + 3 = 6</math></p> <p>S hình thang AMCD là:</p> <p><math>(3 + 9) \times 6 : 2 = 36 (\text{cm}^2)</math></p> <p>S hình thang MNCD là</p> <p><math>(3 + 9) \times 6 : 2 = 36 (\text{cm}^2)</math></p> <p>a) Vậy diện tích các hình thang AMCD, MNCD, NBCD bằng nhau (Đ)</p> <p>Vì (3 hình thang đều có chung đáy lớn, chung đường cao, chung số đo đáy nhỏ bằng nhau) =&gt; S bằng nhau.</p> <p>- HS làm bài, báo cáo giáo viên</p> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p><i>Độ dài đáy bé của thửa ruộng hình thang là:</i></p> <p style="text-align: center;"><math>120 \times 2 : 3 = 80(\text{m})</math></p> <p><i>Chiều cao của thửa ruộng hình thang là:</i></p> <p style="text-align: center;"><math>80 - 5 = 75(\text{m})</math></p> <p><i>Diện tích của thửa ruộng hình thang là:</i></p> <p style="text-align: center;"><math>(120 + 80) \times 75 : 2 = 7500(\text{m}^2)</math></p> <p><i>Số thóc thu được trên thửa ruộng đó là:</i></p> <p style="text-align: center;"><math>7500 : 100 \times 64,5 = 4837,5(\text{kg})</math></p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 4837,5kg</i></p>
<p><b>3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</b></p>	
<p>- Người ta còn nêu quy tắc tính diện tích hình thang bằng thơ lục bát, em có</p>	<p>- HS nêu:</p> <p style="text-align: center;"><i>Muốn tính diện tích hình thang</i></p>

biết câu thơ đó không ? Hãy đọc cho cả lớp cùng nghe.	<i>Đáy lớn, đáy nhỏ ta mang cộng vào Rồi đem nhân với chiều cao Chia đôi lấy nửa thế nào cũng ra.</i>
<b>4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</b>	
- Về nhà dựa vào công thức tính diện tích hình thang tìm cách tính chiều cao của hình thang.	- HS nghe và thực hiện

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

*Luyện từ và câu*  
**CÂU GHÉP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm sơ lược khái niệm câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại; mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác (ND ghi nhớ) .

**2. Kỹ năng:**

- Nhận biết được câu ghép, xác định được các vế câu trong câu ghép (BT1, mục III); thêm được một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép (BT3).

- HS( M3,4) thực hiện được yêu cầu của BT2 ( Trả lời câu hỏi, giải thích lí do).

**3. Thái độ:** Tích cực học tập.

**4. Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Vở viết, SGK

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(3 phút)</b>	
- Cho HS hát - Cho HS thi đặt câu theo các mẫu câu đã học nói về các bạn trong lớp. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS đặt câu  - Hs nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)</b>	
<i>*Mục tiêu:</i> Nắm sơ lược khái niệm câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại; mỗi vế	

câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác (ND ghi nhớ) .

(Lưu ý nhóm học sinh (M3,4) nắm được khái niệm câu ghép)

*\*Cách tiến hành:*

**Bài 1: HĐ cặp đôi**

- Gọi HS đọc yêu cầu  
- Yêu cầu HS nêu thứ tự các câu trong đoạn văn.

- Cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:

+ Muốn tìm chủ ngữ trong câu ta đặt câu hỏi nào?

+ Muốn tìm vị ngữ trong câu ta đặt câu hỏi nào?

- Yêu cầu HS làm bài tập vào vở

- Cho HS chia sẻ

- GV nhận xét kết luận

- Ở C1: em xác định chủ ngữ, vị ngữ bằng cách nào?

- Hỏi tương tự câu 2,3,4

**Bài 2: HĐ Nhóm**

- Cho HS thảo luận nhóm 4 theo câu hỏi:

+ Em có nhận xét gì về số vế câu của các câu ở đoạn văn trên?

+ Thế nào là câu đơn? Thế nào là câu ghép?

+ Vậy câu ghép là câu do nhiều cụm chủ ngữ, vị ngữ tạo thành.

- Yêu cầu HS xếp các câu thành 2 nhóm.

- Cho HS chia sẻ

- GV nhận xét , kết luận

**Bài 3: Cá nhân**

- Yêu cầu HS đọc lại các câu ghép

- Yêu cầu HS tách mỗi vế câu ghép.

- Thế nào là câu ghép?

- HS đọc

C1: Mỗi lần..... con chó to

C2: Hễ con chó..... giật giật

C3: Con chó.....phi ngựa

C4: Chó chạy..... ngúc nga ngúc ngắc

+ Câu hỏi: Ai? Cái gì? Con gì?

+ Câu hỏi: Làm gì? Thế nào?

- 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi.

+ Mỗi lần dời nhà đi, bao giờ con khi/ cũng nhảy phốc lên ngồi trên lưng con chó to.

+ Hễ con chó/ đi chậm, con khi / cảm hai tai con chó giật giật.

+ Con chó/ chạy sai thì khi/ gò lưng như người phi ngựa.

+ Chó/ chạy thông thả, khi/ buông thõng hai tay, ngồi ngúc nga ngúc ngắc.

+ Đặt câu hỏi : Con gì nhảy phốc lên ngồi trên lưng con chó to?

+ Đặt câu hỏi: Con khi làm gì?

- HS thảo luận:

- Câu có 1 có 1 vế; câu 2, 3, 4 có 2 vế

- Câu đơn là câu do một cụm từ chủ ngữ, vị ngữ tạo thành.

- HS làm việc theo nhóm

- HS chia sẻ

- HS nghe và thực hiện

- HS đọc

- HS tách thì mỗi vế câu rời rạc

+ Câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại

+ Mỗi vế câu ghép thường cấu tạo giống một câu đơn có đủ chủ ngữ, vị ngữ ý có quan hệ chặt chẽ với nhau

<p><i>*Ghi nhớ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc ghi nhớ</li> <li>- Yêu cầu lấy ví dụ minh hoạ.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc</li> <li>- <i>Em đi học còn mẹ em đi làm.</i></li> </ul>																		
<p><b>3. HĐ thực hành: (15 phút)</b></p> <p><i>*Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được câu ghép, xác định được các vế câu trong câu ghép (BT1, mục III); thêm được một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép (BT3).</li> <li>- HS( M3,4) thực hiện được yêu cầu của BT2 ( Trả lời câu hỏi, giải thích lí do).</li> </ul> <p>(Lưu ý: <i>Học sinh nhóm M1,2 hoàn thành các bài tập theo yêu cầu</i>)</p> <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>																				
<p><b>Bài 1: HĐ Cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ:</li> <li>+ Hãy đọc các câu ghép trong đoạn văn?</li> <li>+ Căn cứ vào đâu mà em xác định đó là những câu ghép?</li> <li>+ Yêu cầu xác định các vế câu trong từng câu?</li> <li>- Cho HS chia sẻ kết quả</li> <li>- GV nhận xét, kết luận</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu</li> <li>- Căn cứ về số lượng vế câu trong câu.</li> <li>- HS xác định</li> </ul>																		
<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Vế 1</th> <th>Vế 2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Câu 1</td> <td><u>Trời / xanh thẳm</u> c v</td> <td><u>Biển / cũng thẳm xanh, như</u> c v <u>dâng cao lên, chắc nịch</u></td> </tr> <tr> <td>Câu 2</td> <td><u>Trời / rải mây trắng nhạt /</u> c v</td> <td><u>Biển/ mơ màng dịu hơn sương</u> c v</td> </tr> <tr> <td>Câu 3</td> <td><u>Trời/ âm u mây mưa</u> C V</td> <td><u>Biển/ xám xịt, nặng nề</u> C V</td> </tr> <tr> <td>Câu 4</td> <td><u>Trời / âm âm đông gió</u> C V</td> <td><u>Biển/ đục ngầu, giận giữ</u> C V</td> </tr> <tr> <td>Câu 5</td> <td><u>Biển / nhiều khi rất đẹp</u> C V</td> <td><u>Ai / cũng thấy như thế</u> C V</td> </tr> </tbody> </table>			STT	Vế 1	Vế 2	Câu 1	<u>Trời / xanh thẳm</u> c v	<u>Biển / cũng thẳm xanh, như</u> c v <u>dâng cao lên, chắc nịch</u>	Câu 2	<u>Trời / rải mây trắng nhạt /</u> c v	<u>Biển/ mơ màng dịu hơn sương</u> c v	Câu 3	<u>Trời/ âm u mây mưa</u> C V	<u>Biển/ xám xịt, nặng nề</u> C V	Câu 4	<u>Trời / âm âm đông gió</u> C V	<u>Biển/ đục ngầu, giận giữ</u> C V	Câu 5	<u>Biển / nhiều khi rất đẹp</u> C V	<u>Ai / cũng thấy như thế</u> C V
STT	Vế 1	Vế 2																		
Câu 1	<u>Trời / xanh thẳm</u> c v	<u>Biển / cũng thẳm xanh, như</u> c v <u>dâng cao lên, chắc nịch</u>																		
Câu 2	<u>Trời / rải mây trắng nhạt /</u> c v	<u>Biển/ mơ màng dịu hơn sương</u> c v																		
Câu 3	<u>Trời/ âm u mây mưa</u> C V	<u>Biển/ xám xịt, nặng nề</u> C V																		
Câu 4	<u>Trời / âm âm đông gió</u> C V	<u>Biển/ đục ngầu, giận giữ</u> C V																		
Câu 5	<u>Biển / nhiều khi rất đẹp</u> C V	<u>Ai / cũng thấy như thế</u> C V																		
<p><b>Bài 2: HĐ cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu HS nêu</li> <li>- GV nhận xét, kết luận</li> </ul> <p><b>Bài 3: HĐ cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS đọc đề</li> <li>- Yêu cầu HS tự làm bài</li> <li>- HS chia sẻ kết quả trước lớp</li> <li>- Nhận xét bài làm của HS</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể tách mỗi vế câu ghép thành một câu đơn có được không? Vì sao?</li> <li>+ Không thể tách mỗi vế câu ghép vừa tìm được thành 1 câu đơn.Vì mỗi vế câu có thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với các vế câu khác</li> <li>- HS đọc</li> <li>- HS làm vở</li> <li>- HS chia sẻ:</li> <li>a) <i>Mùa xuân đã về, không khí ấm áp hẳn lên.</i></li> </ul>																		

	- Mùa xuân đã về, muôn hoa đua nở. b) Mặt trời mọc, sương tan dần. c) Trong truyện cổ tích ...người anh lười biếng, tham lam.
<b>4. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)</b>	
- Xác định các vế câu trong câu ghép sau: <i>Dừa mọc ven sông, dừa men bờ ruộng, dừa leo sườn núi.</i>	- HS nêu: <i>Dừa mọc ven sông,/ dừa men bờ ruộng,/ dừa leo sườn núi./</i>
<b>5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</b>	
- Đặt 1 câu ghép nói về một người bạn thân của em ?	- HS đặt câu: + <i>Nhà bạn Lan rất nghèo nhưng bạn học rất giỏi.</i>

### ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....  
 .....  
 .....

## *Địa lí* CHÂU Á

### I. MỤC TIÊU

**1. Kiến thức:** Biết tên các châu lục và đại dương trên thế giới: châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương, châu Nam Cực; các đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

- Nêu được vị trí giới hạn của châu Á:  
+ Ở bán cầu Bắc, trải dài từ cực Bắc tới quá Xích đạo ba phía giáp biển và đại dương.

+ Có diện tích lớn nhất trong các châu lục trên thế giới.

- Nêu được một số đặc điểm về địa hình, khí hậu của châu Á:

+ 3/4 diện tích là núi và cao nguyên, núi cao và đồ sộ bậc nhất thế giới.

+ Châu Á có nhiều đới khí hậu: nhiệt đới, ôn đới, hàn đới.

**2. Kỹ năng:** Sử dụng quả địa cầu, bản đồ, lược đồ để nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Á.

- Đọc tên và chỉ vị trí một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn của châu Á trên bản đồ( lược đồ).

- HS (3,4) dựa vào lược đồ trống ghi tên các châu lục và đại dương giáp với châu Á.

**3. Thái độ:** Thích tìm hiểu, khám phá thế giới.

**\*GDBVMT:** Sự thích nghi của con người với môi trường với việc bảo vệ môi trường.

### 4. Năng lực:

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn

### II. CHUẨN BỊ

#### 1. Đồ dùng

- GV: Bản đồ tự nhiên châu Á, các hình minh hoạ của SGK.

- HS: SGK, vở

## 2. Dự kiến phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi

- Kĩ thuật trình bày 1 phút

- PP: quan sát, thảo luận, vấn đáp

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(5phút)</b>	
- Cho HS hát - GV tổng kết môn Địa lí học kì I - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)</b> <i>* Mục tiêu:</i> - Biết tên các châu lục và đại dương trên thế giới. - Nêu được vị trí giới hạn của châu Á. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<b>Hoạt động 1:</b> Các châu lục và các đại dương trên thế giới, châu Á là một trong 6 châu lục của thế giới.(Cá nhân) - Hãy kể tên các châu lục, các đại dương trên thế giới mà em biết. - Khi HS trả lời, GV ghi nhanh lên bảng thành 2 cột, 1 cột ghi tên các châu lục, 1 cột ghi tên các đại dương.  <b>Hoạt động 2:</b> Vị trí địa lí và giới hạn của châu Á(Cặp đôi) - GV treo bảng phụ viết sẵn các câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu về vị trí địa lí châu Á (hoặc viết vào phiếu giao cho HS). - GV tổ chức HS làm việc theo cặp: + Nêu yêu cầu: Hãy cùng quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi . - Trình bày kết quả - GV nhận xét kết quả làm việc của HS, sau đó nêu kết luận: Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, có 3 phía giáp biển và đại dương.	+ Các châu lục trên thế giới: 1. Châu Mỹ. 2. Châu Âu 3. Châu Phi 4. Châu Á 5. Châu đại dương 6. Châu Nam cực + Các đại dương trên thế giới: 1. Thái Bình Dương 2. Đại Tây Dương 3. Ấn Độ Dương 4. Bắc Băng Dương  - Đọc thầm các câu hỏi.  - Làm việc theo cặp, cùng xem lược đồ, trao đổi, trả lời từng câu hỏi.  - Đại diện 1 số em trình bày

<p><b>Hoạt động 3: Diện tích và dân số châu Á (Cá nhân)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc bảng số liệu.</li> <li>- Em hiểu chú ý 1 và 2 trong bảng số liệu như thế nào?</li> <li>- GV kết luận: Trong 6 châu lục thì châu Á có diện tích lớn nhất.</li> </ul> <p><b>Hoạt động 4: Các khu vực của châu Á và nét đặc trưng về tự nhiên của mỗi khu vực(Cặp đôi)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV treo lược đồ các khu vực châu Á.</li> <li>- Hãy nêu tên lược đồ và cho biết lược đồ thể hiện những nội dung gì?</li> <li>- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để thực hiện phiếu học tập</li> <li>- GV mời 1 nhóm lên trình bày, yêu cầu các nhóm khác theo dõi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng số liệu thống kê về diện tích và dân số của các châu lục, dựa vào bảng số liệu ta có thể so sánh diện tích và dân số của các châu lục với nhau.</li> <li>- HS đọc lược đồ, đọc phần chú giải</li> <li>- Lược đồ các khu vực châu Á, lược đồ biểu diễn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa hình châu Á.</li> <li>+ Các khu vực và giới hạn từng khu vực của châu Á.</li> </ul> </li> <li>- HS làm việc theo nhóm đôi</li> <li>- Một nhóm HS trình bày trước lớp. HS cả lớp theo dõi và nhận xét.</li> </ul>
<p><b>3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</b></p>	
<p>- Nước ta nằm ở châu lục nào ?</p>	<p>- HS nêu: Châu Á</p>
<p><b>4. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</b></p>	
<p>- Về nhà tìm hiểu về một số nước ở khu vực châu Á.</p>	<p>- HS nghe và thực hiện</p>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 16 tháng 1 năm 2019

*Kể chuyện*

**CHIẾC ĐỒNG HỒ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:** Biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện

**2.Kĩ năng:** Kể được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện dựa vào tranh minh họa trong SGK; kể đúng và đầy đủ nội dung câu chuyện.

**3.Thái độ:** Mỗi người lao động trong xã hội đều gắn bó với một công việc, công việc nào cũng quan trọng cũng đáng quý.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

**II. CHUẨN BỊ**



## 1. Đồ dùng

- Giáo viên: SGK, bảng phụ, tranh minh họa.
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

## 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(3 phút)</b>	
- Cho HS hát - GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS thực hiện. - HS ghi vở
<b>2. HĐ nghe kể (10 phút)</b> <i>*Mục tiêu:</i> - HS biết kể lại từng đoạn câu chuyện. - Một số HS kể được toàn bộ câu chuyện. (Lưu ý: Nhóm HS(M1,2) chăm chú nghe kể) <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>Giáo viên kể chuyện “Chiếc đồng hồ”</i> - Giáo viên kể lần 1. - Giáo viên kể lần 2 + Kết hợp tranh minh họa. - Giáo viên kể lần 3 (nếu cần) + Giáo viên giải nghĩa từ: Tiếp quản, đồng hồ quả quýt.	- Học sinh nghe. - Học sinh nghe.  + Tiếp quản: thu nhận và quản lí những thứ đối phương giao lại. + Đồng hồ quả quýt: đồng hồ bỏ túi nhỏ, hình tròn, to hơn đồng hồ bình thường.
<b>3. Hoạt động thực hành kể chuyện(15 phút)</b> <i>* Mục tiêu:</i> HS kể được từng đoạn, cả câu chuyện. ( Giúp đỡ nhóm HS (M1,2) kể được từng đoạn câu chuyện) <i>* Cách tiến hành:</i>	
<b>Hướng dẫn học sinh kể chuyện.</b> a) <i>Kể theo cặp.</i> - Yêu cầu HS nêu nội dung chính của từng tranh. - Yêu cầu từng HS kể từng đoạn trong nhóm theo tranh. b) <i>Thi kể trước lớp.</i> - Học sinh thi kể từng đoạn trước lớp - Kể toàn bộ câu chuyện - Yêu cầu HS nhận xét, tìm ra bạn kể hay nhất, hiểu câu chuyện nhất.	- HS nêu - HS kể theo cặp  - 4 HS tiếp nối nhau kể từng đoạn - 1 đến 2 học sinh kể toàn bộ câu chuyện. - HS nhận xét

<b>4. HĐ tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện: (7 phút)</b> <i>* Mục tiêu:</i> HS nắm được nội dung và ý nghĩa của câu chuyện. <i>( Giúp đỡ nhóm HS (M1,2) nắm được ý nghĩa câu chuyện)</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Cho HS trao đổi với nhau để tìm ý nghĩa của câu chuyện. - Cho HS chia sẻ trước lớp - GV nhận xét, kết luận	- HS trao đổi cặp đôi tìm ý nghĩa câu chuyện. - HS chia sẻ trước lớp - <b>Ý nghĩa:</b> Qua câu chuyện Chiếc đồng hồ, Bác Hồ muốn khuyên cán bộ: Nhiệm vụ nào của cách mạng cũng cần thiết, quan trọng, do đó cần làm tốt việc được phân công, không nên suy bì, chỉ nghĩ đến việc riêng của mình.
<b>5. Hoạt động tiếp nối:(2 phút)</b>	
- GDHS: Trong xã hội mỗi người 1 công việc, cần làm tốt công việc phân công, không phân bì, không chỉ nghĩ cho riêng mình.	- HS nghe
<b>6. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</b>	
- GV nhận xét tiết học. - HS về kể lại câu chuyện cho mọi người trong gia đình cùng nghe.	- HS nghe - HS nghe và thực hiện.

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

-----

**Toán**  
**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Biết :

- Tính diện tích hình tam giác vuông, hình thang.
- Giải toán liên quan đến diện tích và tỉ số phần trăm.
- HS làm bài 1, bài 2.

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng giải bài toán về tính diện tích và tỉ số phần trăm.

**3. Thái độ:** Tích cực học tập.

**4. Năng lực:**

- Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng dạy học:**